TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2023/DS-ST.
Ngày: 06/02/2023.
V/v:"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh Ngọc.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Ník Êban.
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Tất Tại – Chức vụ : Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2022/TLST-DS, ngày 14 tháng 01 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2022/QĐXX-ST, ngày 15 tháng 09 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2022/QĐST – DS, ngày 30/09/2022, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 14/2022/QĐST – DS ngày 31/10/2022 và Thông báo mở lại phiên tòa giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Doãn Thị S.

Địa chỉ: Thôn 12, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Long Nh.

Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Doãn Thị S: ông Phạm Duy C – Luật sư Công ty luật TNHH HK & Gia Luật – Chi nhánh tại E.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị L.

Địa chỉ: Thôn 12, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Phùng Thị Bích L.

Địa chỉ: Thôn 12, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người làm chứng: Ông Hà Văn Ph, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Doãn Thị S và người đại diện theo ủy quyền trình bày:**

Do mối quan hệ quen biết nên vào ngày 15/12/2019 (Al) bà Doãn Thị S có cho bà Phạm Thị L vay số tiền 115.300.000 đồng lãi suất thỏa thuận 2% tháng.

Do tháng 04/2020 (âm lịch) có nhuận 2 tháng 4. Thì đến ngày 03/4/2020 (âm lịch

trước) bà L có trả được bà S số tiền là 50.000.000 đồng, sau khi trừ đi số tiền 50.000.000 đồng thì đến ngày 02/4/2020 (âm lịch sau), tức là vào ngày 24/04/2020 dương lịch, bà Phạm Thị L có viết vào sổ của bà S vay số tiền 65.500.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/tháng.

Tiếp theo vào ngày 24/12/2020, bà S có cho bà Phạm Thị L vay số tiền là 66.000.000 đồng, trong giấy vay tiền không tính lãi suất, "hẹn đến tháng 1 năm 2021 Al trả sai hẹn tính lãi suất 2%/tháng" dòng chữ này do con gái tôi là Phùng Thị Bích L ghi vào sổ của bà Doãn Thị S. Chữ viết trong giấy tờ vay mượn đều do bà L viết ra.

Tại đơn khởi kiện bà S yêu cầu bà L phải có trách nhiệm trả hai khoản nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh do bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Vào ngày 24/6/2022 nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền là 66.000.000 đồng, vì số tiền này là khoản tiền bà L đã vay của con gái bà S (bà Phùng Thị Bích L).

Nay, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị L phải có trách nhiệm trả số tiền nợ là vay số tiền 65.500.000 đồng, lãi suất là 1%/tháng được tính kể từ ngày vay cho đến ngày kết thúc phiên tòa sơ thẩm.

*** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải tại Tòa án bị đơn bà Phạm Thị L trình bày:**

Theo các chứng cứ mà các bên cung cấp bản thân tôi đã được tiếp cận, đơn khởi kiện của nguyên đơn tôi không đồng ý vì lý do tôi đã trả hết nợ, Tôi xác định vào ngày 2/4/2020 Al (năm 2020 al do nhuận có 2 tháng 4) có viết giấy nhận nợ vào sổ vay của bà S vay số tiền 65.600.000 đồng lãi 2%/tháng, đến ngày 03/4/2020 (Al) sau, tôi đã trả được số tiền 50.000.000 đồng số tiền còn lại thì vào ngày 04/05/2020 con gái bà S là bà L có đến lấy Lúa và phân bón nhà tôi tại Thôn T, xã V, huyện K cộng thành tiền là 16.040.000 đồng (Mười sáu triệu bốn mươi ngàn đồng). Như vậy, tôi đã trả hết nợ cho bà S theo giấy vay số tiền là 65.600.000 đồng.

Còn khoản nợ ngày 24/12/2020 (Dl) tôi lại tiếp tục nhận nợ với bà S số tiền 66.000.000 đồng (giấy vay tiền này do tôi viết ra), đối khoản tiền này thì đến ngày 26/12/2020 (Al) thì gia đình bà S đến nhà tôi lấy cà phê tại rẫy tại Thôn T, xã V, huyện K, khoản này là do bà S đi sang rãy nhà tôi để lấy cà phê về cho con gái, sau đó đưa về kho, bà Phùng Thị Bích L là con gái bà S có viết cho tôi giấy biên nhận cà phê và có tính tiền lãi. Tôi xác định đã trả hết nợ đối với khoản vay này, giấy tờ đã giao nộp cho Tòa án.

Hiện nay tôi xác định đã trả hết nợ, tôi không làm đơn yêu cầu phản tố vì hoàn cảnh khó khăn, nên theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì tôi đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

*** Tại bản tự khai và các biên bản làm việc tại Tòa án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phùng Thị Bích L trình bày:** Tôi là con gái của bà Doãn Thị S, gia đình tôi có mở tiệm thu mua nông sản Th Đ, địa chỉ: Thôn 12, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, đối với bà Phạm Thị L là khách hàng hay mua phân bón và bán cà phê nông sản cho của tiệm của tôi.

Theo ý kiến trình bày của bà L tôi không đồng ý bởi vì tôi xác định hai giấy tờ ngày 4/5 L nhận của chị L số tiền 16.040.000 đồng, giấy vay này là khoản vay của năm 2018 và giấy biên nhận cà phê với số lượng là 1056,7kg và 2943,3kg x giá 37 = 108.900.000 đồng

đây là giấy nhận cà phê không ghi rõ ngày tháng nhưng tôi xác định là ghi vào năm 2017 và 2018.

Tôi xác định đây là khoản nợ của bà Phạm Thị L đối với tôi chứ không phải là số nợ của mẹ tôi Doãn Thị S đã cho bà L vay. Hiện bà L đã trả hết nợ, không có liên quan đến tôi.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ông Hà Thanh Ph trình bày: Tôi (Ph) không có quan hệ họ hàng hay mâu thuẫn gì với nguyên đơn, bị đơn, nhà tôi hiện đang cư trú tại thôn T, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vào ngày 26/12/2020 (AL) là ngày cận tết thì tôi thấy xe ô tô của nhà bà Th S (tức bà S) và các con có vào rẫy nhà bà Phạm Thị L chở cà phê và phân của bà L, còn sự việc cụ thể các bên vay mượn hay trả nợ như thế nào thì tôi không nắm rõ được nội dung.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên các đương sự không thể hòa giải được, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên Tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nên không ghi nhận được ý kiến.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar:

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; việc thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự về phiên toà sơ thẩm; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng quy định, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Sinh cho rằng: Ngày 02/04/2020 (âm lịch, tháng 4 nhuận) bà Sinh cho bà L vay số tiền 65.600.000 đồng; đến nay vẫn chưa trả. Tuy nhiên, vào ngày 03/04/2020 (âm lịch, sau khi vay tiền 01 ngày), bà L đã trả cho bà S số tiền 50.000.000 đồng; khi trả tiền thì bà Sinh có ghi cho bà L 01 giấy nhận tiền với nội dung *"3/4 S Sinh Thân nhận của Lan Minh năm mươi triệu S.4"*. Như vậy, có căn cứ xác định hiện nay bà L chỉ còn nợ của bà S số tiền 15.600.000 đồng.

Về lãi suất các bên thỏa thuận là 2%/tháng, nhưng quá trình khởi kiện bà S chỉ yêu cầu tính lãi suất là 1%/tháng, việc yêu cầu tính lãi suất là phù hợp với yêu cầu của pháp luật, cần chấp nhận.

Vậy, căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 466, Điều 468 đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Doãn Thị S. Buộc bà Phạm Thị L phải trả cho bà Doãn Thị S số tiền 15.600.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, phần trình bày của các đương sự, quan điểm của Kiểm sát viên, hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Doãn Thị S, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xác định đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại Thôn 12, xã

Ea Ô, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định của pháp luật.

Về sự có mặt của các đương sự: Xét thấy tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn xét xử vắng mặt, người làm chứng vắng mặt, HĐXX căn cứ Điều 227, 229 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện, đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả số tiền vay là 65.600.000 đồng và tiền lãi suất 1%/tháng được tính từ ngày 24/04/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm; Hội đồng xét xử nhận định:

Qua tài liệu chứng cứ trong vụ án thể hiện vào ngày 2/4/2020 (AL) tức là vào ngày 24/4/2020 (DL) bà Phạm Thị L có vay của bà Doãn Thị S số tiền 65.600.000 đồng và xác nhận là vay vào ngày 02/4/2020 (AL) sau là hoàn toàn thực tế đều được các bên thừa nhận. Do đó đối với tài liệu chứng cứ này không cần phải chứng minh. Nguyên đơn chỉ yêu cầu bà Phạm Thị L phải có trách nhiệm trả số tiền 65.600.000 đồng, mà không yêu cầu ông Nguyễn Đình M là chồng bà L phải có trách nhiệm liên đới cùng trả nợ, xét yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện nên HĐXX cần chấp nhận, không cần đưa ông M vào tham gia với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án là phù hợp. Đối với bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên phải chịu hậu quả về việc không chứng minh được tài liệu chứng cứ do mình cung cấp.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn phải trả số tiền 65.600.000 đồng và tiền lãi suất phát sinh. HĐXX xét thấy, quá trình giải quyết bị đơn cung cấp cho Tòa án tờ giấy với nội dung ***"03/04 S Sinh thân nhận của Lan Minh năm mươi triệu, ký tên Sinh"*** và xác nhận đã trả được 50.000.000 đồng**,** nguyên đơn cho rằng tài liệu chứng cứ này là được viết trước khi bị đơn viết vay số tiền 65.600.000 đồng và yêu cầu Tòa án tiến hành trưng cầu giám định thời gian viết đối với các tài liệu chứng cứ này, Tại kết luận giám định số 131/KL – KTHS ngày 21/12/2022 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Không xác định được thời gian viết có nội dung: *"Năm 2022 Al ....L Phạm Thị L (Bl: 28)"* trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 được viết trước hay sau so với chữ viết trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 có nội dung bắt đầu *"3/4S S" (Bl: 28)*.

Như vậy, qua chứng cứ nguyên đơn cung cấp là giấy vay tiền và bị đơn cung cấp là giấy trả tiền thì xác định vào tháng 4 năm 2020 âm lịch có 02 tháng tư, cả hai tài liệu chứng cứ do nguyên đơn và bị đơn cung cấp đều thể hiện viết vào tháng 4 năm 2020 âm lịch sau, tức là sau một ngày xác lập giấy vay tiền ngày 02/4/2020 (Al) thì vào ngày 03/4/2020 (Al) bị đơn đã trả được cho nguyên đơn số tiền là 50.000.000 đồng là phù hợp với các tài liệu chứng cứ mà các bên đương sự cung cấp.

Đối với số tiền 15.600.000 đồng còn lại, bị đơn cho rằng vào ngày 04/5/2020 bà Phùng Thị Bích L có đến nhà thu nợ hộ bà S và có lấy phân và lúa của bà L quy ra thành tiền là 16.040.000 đồng thể hiện qua giấy biên nhận ngày 04/5 do bà Liên viết ra. HĐXX thấy rằng, tại tờ giấy ghi ngày 04/5 do bị đơn cung cấp thì chỉ ghi ngày và tháng không ghi năm, qua quá trình làm việc bà L xác nhận là khoản nợ của bà với bà Phạm Thị L, chứ không liên quan đến bà S, bà L cũng không đưa ra được căn cứ nào để xác định đây là

khoản tiền mà bà L đã thu nợ thay cho bà S, nguyên đơn bà S cũng không thừa nhận, số tiền bà L đã trả cho bà L cũng không khớp với số tiền bà L còn nợ lại của bà S, nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bị đơn đã trả số tiền còn lại cho nguyên đơn là phù hợp với tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp.

Do đó, xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là 15.600.000 đồng mà chưa trả là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Được quy định tại Điều 466 và Điều 469 BLDS. Cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn là phù hợp.

Về lãi suất: Trong giấy vay tiền lãi suất các bên thỏa thuận là 2%. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu tiền lãi suất là 1%/tháng, tức là 12%/năm, xét yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn là phù hợp với điều 468 BLDS nên HĐXX cần chấp nhận. Như vậy, lãi suất được tính kể từ ngày 24/4/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 06/02/2023 là 1013 ngày sẽ được tính như sau:

(15.600.000 đồng x 12%/năm x 1013 ngày) : 365 ngày = 5.195.441 đồng.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên HĐXX, cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nợ là 15.600.000 đồng và tiền lãi suất là 5.195.441 đồng. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Còn đối với tài liệu chứng cứ của bị đơn cung cấp có nội dung *"Mẹ nhận cà của chị minh l 1057,7 một tấn không trăm năm mươi sáu kg bảy và 2943 3 x 37 = 108.900 có chữ ký L"*. HĐXX xét thấy, đối với chứng cứ này không thể hiện ngày tháng năm và không liên quan đến số tiền bà S đã khởi kiện nên không đưa ra để xem xét.

Chấp nhận việc nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 66.000.000 đồng, HĐXX xét thấy, việc rút của nguyên đơn là tự nguyện, không bị ai ép buộc hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp, nên HĐXX đình chỉ đối với yêu cầu này là phù hợp.

Về chi phí giám định: Nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí giám định và đã được chi phí xong nên không đề cập giải quyết.

Về án phí:

Nguyên đơn bà Doãn Thị S thuộc đối tượng được miễn tiền tạm ứng án phí được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326, nên không đặt ra để xem xét.

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161, Điều 217; điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 357, Điều 463, Khoản 1 Điều 466, 468, Điều 469 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Doãn Thị S.

Buộc bà Phạm Thị L phải có trách nhiệm trả cho bà Doãn Thị S số tiền nợ là 15.600.000 đồng, tiền lãi là 5.195.441 đồng. Tổng cộng là 20.795.441 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Doãn Thị S về việc yêu cầu bà Phạm Thị L phải có trách nhiệm trả số tiền là 50.000.000 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Doãn Thị S về việc yêu cầu bị đơn bà Phạm Thị L phải có trách nhiệm trả số tiền là 66.000.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy đinh về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn bà Doãn Thị S thuộc đối tượng được miễn án phí và có đơn xin miễn được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326, nên không phải chịu tiền án phí DSST.

Bị đơn bà Phạm Thị L phải chịu 1.039.772 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. (Theo mức 20.795.441 đồng x 5%).

Về quyền kháng cáo: Các đượng sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Ngọc

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- Chi cục THADS huyện EaKar;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.